

**FEE INFORMATION**  
STAFFORDSHIRE UNIVERSITY PROGRAMME  
**THÔNG TIN HỌC PHÍ**  
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC STAFFORDSHIRE

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Year 1 <i>Năm 1</i>	208,418,000	26,057,000	26,057,000	260,532,000
Year 2 <i>Năm 2***</i>	208,418,000	26,057,000	26,057,000	260,532,000
Year 3 <i>Năm 3***</i>	208,418,000	26,057,000	26,057,000	260,532,000
<b>TOTAL TỔNG CỘNG</b>	<b>625,254,000</b>	<b>78,171,000</b>	<b>78,171,000</b>	<b>781,596,000</b>

**Other fees/Các phí khác:**

Application Fee (Direct entry students only) VND 2,000,000

*Phí Ghi danh (Chỉ áp dụng với Sinh viên nhập học trực tiếp)*

Registration Fee/ Phí Đăng kí VND 1,500,000

Annual Practical Equipment Fee VND 6,180,000

*Phí Dụng cụ thực hành hàng năm \*\*\*\**

\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyến đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Fees of Year 2 and Year 3 are for illustration only. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Phí của Năm 2 và Năm 3 chỉ mang tính tham khảo. Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*

\*\*\*\* Annual Practical Equipment Fee includes equipment and supplies and is applied to only Contemporary Creative Practices (CCP), Computer Games Design and Programming (CGDP) and Computer Science (CS) students.

*Phí Dụng cụ thực hành hàng năm bao gồm bao gồm phí dụng cụ, vật tư chuyên ngành và áp dụng cho sinh viên ngành Ứng dụng Sáng tạo Đương đại (CCP), ngành Thiết kế và lập trình Game (CGDP), ngành Khoa học máy tính (CS).*

## Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.  
*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*
2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee are not refundable or transferable.  
*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*
3. Applicants who pay upfront a lump sum for a semester or 1-year fees will be given a discount of 2% and 4%, respectively. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships. Upfront lump sum fees payment for whole programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.  
*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả học kỳ hoặc 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 2% hoặc 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.*
4. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.  
*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*
5. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.  
*Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

**FEE INFORMATION**  
STAFFORDSHIRE UNIVERSITY FOUNDATION PROGRAMME  
**THÔNG TIN HỌC PHÍ**  
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC STAFFORDSHIRE

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chương trình dự bị Đại học Staffordshire	76,210,000	9,530,000	3,810,000	89,550,000

**Other fees/Các phí khác:**

Application Fee (for payable one) VND 2,000,000  
*Phí Ghi danh (chỉ nộp một lần)*

English Placement Test VND 550,000  
*Phí kiểm tra Tiếng Anh đầu vào*

\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment and online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu, phí kiểm tra, dụng cụ học thuật và tài khoản học trực tuyến.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyến đi thực tế trong nước.*

**Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:**

- All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum fees will be given a discount of 2%. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships.

*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả kỳ học sẽ được hưởng mức chiết khấu 2%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV.*

4. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*

5. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

6. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.

*Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

## FEE INFORMATION

### BUV OWN DEGREE

(Bachelor in International Hospitality Management - IHM)

## THÔNG TIN HỌC PHÍ

CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN DO ĐẠI HỌC ANH QUỐC VIỆT NAM CẤP BẰNG

(Chương trình Cử nhân Quản trị Khách sạn – IHM)

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Year 1 <i>Năm 1</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
Year 2 <i>Năm 2***</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
Year 3 <i>Năm 3***</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
Year 4 <i>Năm 4***</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
<b>TOTAL TỔNG CỘNG</b>	<b>520,280,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>650,360,000</b>

#### Other fees/Các phí khác:

Application Fee (Direct entry students only) VND 2,000,000

*Phí Ghi danh (Chỉ áp dụng với Sinh viên nhập học trực tiếp)*

Registration Fee/ *Phí Đăng kí* VND 1,500,000

Annual Practical Equipment Fee VND 6,180,000

*Phí Dụng cụ thực hành hàng năm \*\*\*\*\**

\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyển đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Fees of Year 2, Year 3 and Year 4 are for illustration only. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Phí của Năm 2, Năm 3 và Năm 4 chỉ mang tính tham khảo. Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*

\*\*\*\* Annual Practical Equipment Fee includes equipment and supplies and is applied to only International Hospitality Management (IHM) students.

*Phí Dụng cụ thực hành hàng năm bao gồm bao gồm phí dụng cụ, vật tư chuyên ngành và áp dụng cho sinh viên ngành Quản trị khách sạn (IHM).*

#### **Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:**

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum for a semester or 1-year fees will be given a discount of 2% and 4%, respectively. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships. Upfront lump sum fees payment for whole programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.

*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả học kỳ hoặc 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 2% hoặc 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.*

4. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

5. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.

*Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

## FEE INFORMATION

BUV OWN DEGREE  
(Bachelor in Finance & Economics - FE)

### THÔNG TIN HỌC PHÍ

CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN DO ĐẠI HỌC ANH QUỐC VIỆT NAM CẤP BẰNG  
(Chương trình Cử nhân Tài chính và Kinh tế – FE)

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

**Tuition fee applies for new academic year for all progressed students enrolling before 31 December 2020:**

*Học phí áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học đã nhập học trước ngày 31 tháng 12 năm 2020:*

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
Year 1 <i>Năm 1</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
Year 2 <i>Năm 2***</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
Year 3 <i>Năm 3***</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
Year 4 <i>Năm 4***</i>	130,070,000	16,260,000	16,260,000	162,590,000
<b>TOTAL/ TỔNG CỘNG</b>	<b>520,280,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>650,360,000</b>

**Tuition fee applies for new academic year for progressed students who enrolled after 1 January 2021 and new students who enroll after 31 December 2022:**

*Học phí áp dụng cho năm học mới đối với Sinh viên đang theo học đã nhập học sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022:*

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Year 1 <i>Năm 1</i>	173,430,000	21,680,000	21,680,000	216,790,000
Year 2 <i>Năm 2***</i>	173,430,000	21,680,000	21,680,000	216,790,000
Year 3 <i>Năm 3***</i>	173,430,000	21,680,000	21,680,000	216,790,000
<b>TOTAL TỔNG CỘNG</b>	<b>520,290,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>650,370,000</b>

**Other fees/Các phí khác:**

Application Fee (Direct entry students only) VND 2,000,000

*Phí Ghi danh (Chỉ áp dụng với Sinh viên nhập học trực tiếp)*

Registration Fee/ *Phí Đăng kí* VND 1,500,000

\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyến đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Fees of Year 2, Year 3 and Year 4 are for illustration only. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Phí của Năm 2, Năm 3 và Năm 4 chỉ mang tính tham khảo. Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*



## Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum for a semester or 1-year fees will be given a discount of 2% and 4%, respectively. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships. Upfront lump sum fees payment for whole programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.

*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả học kỳ hoặc 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 2% hoặc 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.*

4. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

5. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.

*Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

## FEE INFORMATION

BUV DUAL DEGREE

(Bachelor in Finance & Economics - FE)

### THÔNG TIN HỌC PHÍ

CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN DO ĐẠI HỌC ANH QUỐC VIỆT NAM CẤP BẰNG KÉP

(Chương trình Cử nhân Tài chính và Kinh tế – FE)

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

**Tuition fee applies for new academic year for all progressed students enrolling before 31 December 2020:**

*Học phí áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học đã nhập học trước ngày 31 tháng 12 năm 2020:*

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Staffordshire Fee/ Phí ĐH Stanfordshire</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
Year 1 Năm 1	130,070,000	16,260,000	16,260,000	-	162,590,000
Year 2 Năm 2***	130,070,000	16,260,000	16,260,000	20,660,000	183,250,000
Year 3 Năm 3***	130,070,000	16,260,000	16,260,000	20,660,000	183,250,000
Year 4 Năm 4***	130,070,000	16,260,000	16,260,000	20,660,000	183,250,000
<b>TOTAL TỔNG CỘNG</b>	<b>520,280,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>61,980,000</b>	<b>712,340,000</b>

**Tuition fee applies for new academic year for progressed students who enrolled after 1 January 2021 and new students who enroll after 31 December 2022:**

*Học phí áp dụng cho năm học mới đối với Sinh viên đang theo học đã nhập học sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022:*

	<b>Tuition Fee/ Học phí</b>	<b>Education Resource Fee/ Phí học liệu*</b>	<b>Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**</b>	<b>Staffordshire Fee/ Phí ĐH Stanffordshire</b>	<b>Total Fee/ Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
Year 1 <i>Năm 1</i>	173,430,000	21,680,000	21,680,000	20,660,000	237,450,000
Year 2 <i>Năm 2***</i>	173,430,000	21,680,000	21,680,000	20,660,000	237,450,000
Year 3 <i>Năm 3***</i>	173,430,000	21,680,000	21,680,000	20,660,000	237,450,000
<b>TOTAL/ TỔNG CỘNG</b>	<b>520,290,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>65,040,000</b>	<b>61,980,000</b>	<b>712,350,000</b>

**Other fees/Các phí khác:**

Application Fee (Direct entry students only) VND 2,000,000

*Phí Ghi danh (Chỉ áp dụng với Sinh viên nhập học trực tiếp)*

Registration Fee/ *Phí Đăng kí* VND 1,500,000

\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyến đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Fees of Year 2, Year 3 and Year 4 are for illustration only. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Phí của Năm 2, Năm 3 và Năm 4 chỉ mang tính tham khảo. Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*

## Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum for a semester or 1-year fees will be given a discount of 2% and 4%, respectively. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships. Upfront lump sum fees payment for whole programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.

*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả học kỳ hoặc 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 2% hoặc 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.*

4. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

5. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.

*7. Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

## FEE INFORMATION

STAFFORDSHIRE UNIVERSITY MASTER OF BUSINESS ADMINISTRATION  
(MBA)

### THÔNG TIN HỌC PHÍ

THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH ĐẠI HỌC STAFFORDSHIRE  
(MBA)

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	Tuition Fee/ Học phí	Education Resource Fee/ Phí học liệu*	Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên**	Total Fee/ Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Year 1 Năm 1	200,100,000	30,338,000	24,720,000	255,158,000
Year 2 Năm 2***	200,100,000	30,338,000	24,720,000	255,158,000
<b>TOTAL TỔNG CỘNG</b>	<b>400,200,000</b>	<b>60,676,000</b>	<b>49,440,000</b>	<b>510,316,000</b>

#### Other fees/Các phí khác:

Application Fee (Direct entry students only) VND 2,000,000

*Phí Ghi danh (Chỉ áp dụng với Sinh viên nhập học trực tiếp)*

Registration Fee/ Phí Đăng kí VND 1,500,000

\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyến đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Fee of Year 2 is for illustration only. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Phí của Năm 2 chỉ mang tính tham khảo. Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*

## Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum for a 1-year fees will be given a discount of 4%. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships. Upfront lump sum fees payment for whole programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.

*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.*

4. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

5. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.

*Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

**FEE INFORMATION**  
INTERNATIONAL FOUNDATION PROGRAMME  
**THÔNG TIN HỌC PHÍ**  
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC LONDON

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>BUV Fee</b> <i>Phí của BUV</i>	<b>UOL Fee</b> <i>Phí của UOL *</i>	<b>Total fee</b> <i>Tổng cộng</i>
	VND	<i>VND for reference/ quy đổi VND cho mục đích tham chiếu</i>	VND
Initial Registration Fee <i>Phí nhập học ban đầu</i>	-	35,727,000 (equivalent to/tương đương £1224)	35,727,000 (equivalent to/tương đương £1224)
Course fee (For 4 courses, includes first examination entry) <i>Lệ phí khóa học (cho 4 môn, bao gồm phí kiểm tra lần đầu)</i>	-	32,108,000 (equivalent to/tương đương £1100)	32,108,000 (equivalent to/tương đương £1100)
Student Affairs Fee <i>Phí công tác sinh viên **</i>	12,192,000	-	12,192,000
Education Resource Fee <i>Phí học liệu ***</i>	12,192,000	-	12,192,000
Tuition Fee <i>Học phí</i>	97,527,000	-	97,527,000
Total for International Foundation Programme (one year) <i>Tổng phí cho Chương trình dự bị Đại học London (1 năm) *****</i>	<b>121,911,000</b>	<b>67,835,000</b>	<b>189,746,000</b>
Other fees (as applicable)/ Phí khác (nếu có):			
Continuing registration fee (for second and each subsequent year) <i>Phí nhập học tiếp theo (cho năm 2 và các năm tiếp theo)</i>	-	13,110,000 (equivalent to/tương đương £449)	13,110,000 (equivalent to/tương đương £449)
Examination re-entry fee (per course) <i>Lệ phí thi lại (mỗi khóa)</i>	-	8,027,000 (equivalent to/tương đương £275)	8,027,000 (equivalent to/tương đương £275)
New Course fee (per course, includes first examination entry) <i>Lệ phí khóa học mới (mỗi khóa, bao gồm phí kiểm tra lần đầu)</i>	-	8,027,000 (equivalent to/tương đương £275)	8,027,000 (equivalent to/tương đương £275)

**Other BUV fees/ Phí khác của BUV:**

Application Fee/ *Phí Ghi danh*

VND 2,000,000

Placement Test Fee/ *Phí Kiểm tra đầu vào*

VND 1,500,000

\* The fees above relate to the 2022 - 2023 session and are subject to annual review of University of London (UOL). The fees above do not include bank charges or payment services through online payment facility of UOL. If students pay through BUV, a 12% service charge will be added to UOL invoice. All UOL direct fees are payable in GB Sterling; the Vietnamese Dong value is a guide (based on foreign currency exchange rate of 31 October 2022) and the actual amount will depend on exchange rate on date of payment.

*Các chi phí trên dành cho năm học 2022-2023 và có thể được Đại Học London (UOL) xem xét hàng năm. Các chi phí trên chưa bao gồm phí chuyển khoản ngân hàng hoặc phí dịch vụ thanh toán qua cổng thanh toán trực tuyến của UOL. Nếu sinh viên thanh toán qua BUV, phí 12% sẽ được cộng thêm vào hóa đơn của UOL. Tất cả phí trực tiếp của UOL phải trả bằng đồng Bảng Anh; giá trị tính theo Việt Nam đồng là tham chiếu (dựa trên tỷ giá ngoại tệ ngày 31 tháng 10 năm 2022) và số tiền thực tế sẽ phụ thuộc vào tỷ giá hối đoái tại ngày thanh toán.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs, societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyển đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\*\*\* The International Foundation Programme is designed to be completed in one year and you are therefore required to pay the total fee in full when you start the programme. There is, however, flexibility for you to extend your study period if required but additional fees will be payable.

*Chương trình Dự bị Đại Học London được thiết kế để hoàn thành trong một năm và do đó sinh viên được yêu cầu phải trả toàn bộ chi phí khi bắt đầu chương trình. Tuy nhiên, có sự linh hoạt để sinh viên kéo dài thời gian học nếu được yêu cầu nhưng phải trả thêm phí.*

#### **Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:**

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên đều không được hoàn lại hoặc bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum for a 1-year fees will be given a discount of 4%. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships.



*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV.*

4. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.  
*Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*
5. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.  
*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*
6. Other fees are compiled with Fee Schedule of UOL and Fee Policy of British University
7. Vietnam. Các phí khác được quy định theo Biểu phí của Đại Học London và Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.

**FEE INFORMATION**  
UNIVERSITY OF LONDON PROGRAMME  
**THÔNG TIN HỌC PHÍ**  
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC LONDON

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	<b>BUV Fee</b> <i>Phí của BUV</i>	<b>UOL Fee</b> <i>Phí của UOL *</i>	<b>Total Fees</b> <i>Tổng cộng</i>
	<b>VND</b>	<i>VND for reference</i> <i>Quy đổi VND cho mục</i> <i>đích tham chiếu</i>	<b>VND</b>
<b>First year/ Năm 1</b>			
Application Fee <i>Phí Ghi danh</i>	-	3,124,000 (equivalent to/trong đương £107)	3,124,000 (equivalent to/trong đương £107)
Initial Registration Fee <i>Phí nhập học ban đầu</i>	-	35,435,000 (equivalent to/trong đương £1214)	35,435,000 (equivalent to/trong đương £1214)
Examination Fee (4 courses) <i>Phí kiểm tra (4 môn)</i>	-	42,733,000 (equivalent to/trong đương £1464)	42,733,000 (equivalent to/trong đương £1464)
Student Affairs Fee <i>Phí Công tác sinh viên **</i>	27,338,000	-	27,338,000
Education Resource Fee <i>Phí Học liệu ***</i>	27,338,000	-	27,338,000
Tuition Fee <i>Học phí</i>	218,687,000	-	218,687,000
<b>Total/ Tổng cộng</b>	<b>273,363,000</b>	<b>81,292,000</b>	<b>354,655,000</b>
<b>Second year/ Năm 2 ****</b>			
Continuing Registration Fee <i>Phí nhập học tiếp theo</i>		16,171,000 (equivalent to/trong đương £554)	16,171,000 (equivalent to/trong đương £554)
Examination Fee (4 courses) <i>Phí kiểm tra (4 môn)</i>		42,733,000 (equivalent to/trong đương £1464)	42,733,000 (equivalent to/trong đương £1464)
Student Affairs Fee <i>Phí Công tác sinh viên **</i>	27,338,000		27,338,000
Education Resource Fee <i>Phí Học liệu ***</i>	27,338,000		27,338,000
Tuition Fee <i>Học phí</i>	218,687,000		218,687,000
<b>Total/ Tổng cộng</b>	<b>273,363,000</b>	<b>58,904,000</b>	<b>332,267,000</b>

<b>Third year/ Năm 3 ****</b>			
Continuing Registration Fee <i>Phí nhập học tiếp theo</i>		16,171,000 (equivalent to/tương đương £554)	16,171,000 (equivalent to/tương đương £554)
Examination Fee (4 courses) <i>Phí kiểm tra (4 môn)</i>		42,733,000 (equivalent to/tương đương £1464)	42,733,000 (equivalent to/tương đương £1464)
Student Affairs Fee <i>Phí Công tác sinh viên **</i>	27,338,000		27,338,000
Education Resource Fee <i>Phí Học liệu ***</i>	27,338,000		27,338,000
Tuition Fee <i>Học phí</i>	218,687,000		218,687,000
<b>Total/ Tổng cộng</b>	<b>273,363,000</b>	<b>58,904,000</b>	<b>332,267,000</b>
<b>TOTAL FEES TỔNG CỘNG CÁC PHÍ</b>	<b>820,089,000</b>	<b>199,100,000</b>	<b>1,019,189,000</b>

**Other BUV fees/ Phí khác của BUV:**

Application Fee (Direct entry students only) <i>Phí Ghi danh (Chỉ áp dụng với Sinh viên nhập học trực tiếp)</i>	VND 2,000,000
Registration Fee/ <i>Phí Đăng kí</i>	VND 1,500,000

\* The fees above relate to the 2022 – 2023 session and are subject to annual review of University of London (UOL). The actual annual UOL fees may depend on number of courses that student register each year. The fees above do not include bank charges or payment services through online payment facility of UOL. If students pay through BUV, a 12% service charge will be added to UOL invoice. All UOL direct fees are payable in GB Sterling; the Vietnamese Dong value is a guide (based on foreign currency exchange rate of 31 October 2022) and the actual amount will depend on exchange rate on date of payment.

*Các chi phí trên dành cho năm học 2022-2023 và có thể được Đại Học London (UOL) xem xét hàng năm. Phí học thực tế của UOL hàng năm có thể phụ thuộc vào số lượng khóa học sinh viên đăng ký trong năm. Các chi phí trên chưa bao gồm phí chuyển khoản ngân hàng hoặc phí dịch vụ thanh toán qua cổng thanh toán trực tuyến của UOL. Nếu sinh viên thanh toán qua BUV, phí 12% sẽ được cộng thêm vào hóa đơn của UOL. Tất cả phí trực tiếp của UOL phải trả bằng đồng Bảng Anh; giá trị tính theo Việt Nam đồng là tham chiếu (dựa trên tỷ giá ngoại tệ ngày 31 tháng 10 năm 2022) và số tiền thực tế sẽ phụ thuộc vào tỷ giá hối đoái tại ngày thanh toán.*

\*\* Student Affairs Fee includes alumni, student clubs/societies, careers, skills activities, bus service and local trips.

*Phí Công tác sinh viên bao gồm phí hội cựu sinh viên, câu lạc bộ sinh viên, hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyến đi thực tế trong nước.*

\*\*\* Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts.

*Phí Học liệu bao gồm phí thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến.*

\*\*\*\* Fees of Year 2 and Year 3 are for illustration only. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

*Phí của Năm 2 và Năm 3 chỉ mang tính tham khảo. Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.*

**Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:**

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

*Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.*

2. Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Annual Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee is not refundable or transferable.

*Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên đều không được hoàn trả và không được bảo lưu.*

3. Applicants who pay upfront a lump sum for a 1-year fees will be given a discount of 4%. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships. Upfront lump sum fees payment for whole programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.

*Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu 4%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.*

4. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

*Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.*

5. Other fees are compiled with Fee Schedule of UOL and Fee Policy of British University Vietnam.

*Các phí khác được quy định theo Biểu phí của Đại Học London và Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

**FEE INFORMATION**  
IELTS PREPARATION  
**THÔNG TIN HỌC PHÍ**  
CHƯƠNG TRÌNH IELTS

**Effective: 1 January 2023**

**Ngày hiệu lực: 1 tháng 1 năm 2023**

	Tuition Fee/ Học phí	Book and Material Fees/ Phí Sách và Tài liệu	Student Affairs Fee/ Phí công tác sinh viên *	Total Fee/ Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
IELTS Learning and Preparation - Basis	21,950,000	2,746,000	1,643,000	26,339,000
IELTS Learning and Preparation – Foundation	21,950,000	2,746,000	1,643,000	26,339,000
IELTS Learning and Preparation – Intermediate	22,609,000	2,830,000	1,700,000	27,139,000
IELTS Learning and Preparation - Upper Intermediate	22,609,000	2,830,000	1,700,000	27,139,000
IELTS Learning and Preparation - Advance	23,290,000	2,915,000	1,760,000	27,965,000

**Other fees/Các phí khác:**

English Placement Test VND 550,000

*Phí kiểm tra Tiếng anh đầu vào*

Exam resit administration fees (per module) VND 1,700,000

*Lệ phí thi lại (mỗi trình độ)*

\* Student Affairs Fee includes skills activities, bus service.

*Phí công tác sinh viên bao gồm phí hoạt động đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt.*

**Discount policy for up-front payment/ Chính sách chiết khấu cho sinh viên thanh toán trước:**

Fee can be paid in lump sum for all the IELTS courses or separate course. Applicants who pay upfront a lump sum for two or three consecutive IELTS courses will be given a discount of 3% and 5%, respectively. This discount will not be applied simultaneously with any other tuition fee discounts or scholarships.

*Lệ phí có thể được trả một lần cho tất cả các khóa học IELTS hoặc khóa học riêng biệt. Sinh viên trả trước một lần cho hai hoặc ba khóa học IELTS liên tiếp sẽ được chiết khấu tương ứng là 3% và 5%. Chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV.*

### Notes on fees and charges/ Lưu ý về phí và lệ phí:

1. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only. If student pays fees in USD, the foreign currency exchange rate will be converted in accordance with actual exchange rate of payment date regulating by Standard Chartered Bank Vietnam.

Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam Đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế. Trong trường hợp Sinh viên nộp học phí bằng USD, tỷ giá quy đổi sẽ được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán theo quy định của Ngân hàng Standard Chartered Bank Vietnam.

2. Book and Materials Fees, Student Affairs Fee, English Placement Test Fee are not refundable or transferable.

Phí Sách và Tài liệu, Phí Công tác sinh viên, Phí kiểm tra Tiếng anh đầu vào không được hoàn lại hoặc bảo lưu.

3. Student who attends more than 90% of the classes, but do not reach the desired grade to progress, can retake the course free of charge.

Sinh viên tham gia hơn 90% các lớp học, nhưng không đạt được điểm mong muốn để lên lớp tiếp theo có thể học lại khóa học miễn phí.

4. The British University Vietnam reserves the right to make any increases of fees (not greater than 10%) that are deemed necessary annually.

Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam bảo lưu quyền tăng phí hàng năm (không quá 10%) nếu được đánh giá cần thiết.

5. The Fee Information is effective from 1 January 2023 and applied for progressed students who start new academic year and new students who enroll after 31 December 2022.

Thông tin Học phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng cho năm học mới đối với các Sinh viên đang theo học và các Sinh viên mới nhập học sau ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. Other fees are compiled with Fee Policy of British University Vietnam.

*Các phí khác được quy định theo Chính sách Học phí của Trường Đại Học Anh Quốc Việt Nam.*

# FEE POLICY

# CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ

Effective: 6 January 2022

Ngày hiệu lực: 6 tháng 1 năm 2022

## I. General information Thông tin chung

This Fee Policy provides guidance on Tuition Fees and other fees applicable to students who apply to and enroll on the Foundation, Postgraduate, Undergraduate, and English programmes at British University Vietnam (BUV) from 2022 onwards.

Chính sách Học phí hướng dẫn về Học phí và phí khác áp dụng đối với các sinh viên đăng ký và nhập học chương trình Dự bị đại học, Cử nhân đại học, Thạc sỹ sau đại học, Khóa học tiếng anh tại Đại Học Anh Quốc Việt Nam (BUV) từ năm 2022.

## II. Fees policies for Foundation, Postgraduate, Undergraduate programme: Chính sách học phí cho chương trình Dự bị đại học, Cử nhân đại học, Thạc sỹ sau đại học:

1. Tuition Fees, Education Resource Fee, Student Affairs Fee and other fees of all programmes are listed on the BUV website and comply with Fee Information issued by BUV.

Học phí, Phí học liệu, Phí công tác sinh viên và các phí khác của các chương trình học được niêm yết trên website của BUV và tuân thủ theo Thông tin Học phí quy định bởi BUV.

2. Education Resource Fee includes library, textbooks, handouts, examination fees, academic's equipment, online studying accounts. Student Affairs Fee includes alumni, student clubs/societies, careers, skills activities, bus services and local trips.

Phí Học liệu bao gồm thư viện, sách, tài liệu và phí kiểm tra, dụng cụ học thuật, tài khoản học trực tuyến. Phí Công tác sinh viên bao gồm hội cựu sinh viên, câu

lạc bộ sinh viên/hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng, chi phí xe buýt và chuyển đi thực tế trong nước.

3. All fees are reviewed annually. (PLEASE NOTE: the fees indicated on the current Fee Information may not be the fee applicable for subsequent semesters/terms. BUV reserves the right to revise the fee payable for any given year subject to the approval of the Board of Management.

Hàng năm, tiền học phí và các khoản phí sẽ được xem xét lại. (CẦN LƯU Ý RẰNG học phí và các khoản phí nêu trong bản Thông tin Học phí hiện tại có thể không phải là mức phí áp dụng cho các kỳ học tiếp theo. BUV có quyền điều chỉnh mức phí cho bất kỳ năm học nào theo sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị).

4. Applicable for students who study University of London Bachelor Degree (UOL) programme, all fee payables to UOL are subject to annual review of UOL. If students pay through BUV, a 12% charge will be added to UOL invoice. All UOL direct fees are payable in GB Sterling; the Vietnamese Dong value is a guide, and the actual amount will depend on exchange rate on date of payment.

Đối với các sinh viên học chương trình cử nhân do Đại học London cấp bằng (UOL), các chi phí trả cho UOL có thể được xem xét hàng năm bởi UOL. Nếu sinh viên thanh toán qua BUV, phí 12% sẽ được cộng thêm vào hóa đơn của UOL. Tất cả phí trực tiếp của UOL phải trả bằng đồng Bảng Anh (GB Sterling); giá trị tính theo Việt Nam đồng là tham chiếu và số tiền thực tế sẽ phụ thuộc vào tỷ giá hối đoái vào ngày thanh toán.

5. All Vietnamese nationals are required to pay the fees in VND. Fees in USD are applied to international students only.

Tất cả sinh viên Việt Nam chỉ trả học phí và các khoản phí khác bằng Việt Nam đồng. Trả phí bằng USD chỉ áp dụng cho sinh viên Quốc tế.

Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Additional Practical Equipment Fee and Student Affairs Fee are not refundable nor transferable.

Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên đều không thể hoàn trả và không thể bảo lưu.

6. Bursary/ Scholarship/Priority Admission Securing Payment are not refundable



nor transferable.

Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/tru tiên xét tuyển đều không thể hoàn lại hoặc bảo lưu.

7. Students must fulfil the payment of fees at least 2 weeks before commencement date of each course. Full settlement of first installment/semester/term fees is required upon registration and for subsequent semesters/terms according to the listed due dates.

Sinh viên phải hoàn thành việc đóng phí ít nhất 2 tuần trước khi khóa học bắt đầu. Việc thanh toán học phí và các khoản phí cho học kỳ đầu tiên cần phải được thực hiện sau khi đăng ký và để chuẩn bị cho học kỳ tiếp theo căn cứ vào thời hạn nộp.

8. Upfront lump sum fee payment for a complete programme will be applied in accordance with separate Fixed Fee Policies of BUV.

Việc trả trước các khoản phí cho toàn bộ khóa học sẽ được áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định của BUV.

### **III. Resit and retake fee:**

1. Students who subject to resit or retake of any course should be applied to Resit and Retake Fee Information of BUV.

Sinh viên phải thi lại hoặc học lại bất kỳ khóa học nào sẽ áp dụng theo Thông tin phí thi lại và học lại của BUV.

2. The resit or retake fee will not be applied any other tuition fee discount or scholarship.

Phí thi lại và học lại sẽ không được áp dụng các học bổng hoặc ưu đãi học phí của BUV.

### **IV. Fees policies for English programme: Chính sách học phí cho Chương trình tiếng anh:**

1. Tuition fee and other fees for IELTS courses will comply with Fee Information of BUV and BUV reserves the rights to review the IELTS course fee annually.

Học phí và các phí khác của khóa học IELTS được quy định theo Thông tin Học phí của BUV và BUV bảo lưu quyền điều chỉnh phí học các khóa IELTS hàng năm.

2. Students who attend more than 90% of the classes, but do not reach the desired grade to progress, can retake the course free of charge subject to comments on their learning attitude from teachers and approval from Programme Leader.

Sinh viên tham gia hơn 90% thời gian lên lớp, nhưng không đạt được điểm mong muốn để lên trình độ tiếp theo có thể học lại khóa học miễn phí dựa trên đánh giá về thái độ học tập từ giáo viên và phê duyệt của Trưởng Bộ phận phụ trách chương trình.

3. Students must fulfil the course fee payment before commencement date of each course. BUV reserves the rights to block students from learning if full payment is still not received 3 days after commencement date of each course.

Sinh viên phải hoàn thành việc đóng phí trước khi khóa học bắt đầu. BUV bảo lưu quyền tạm dừng việc học của sinh viên nếu học phí không được đóng đầy đủ trong vòng 3 ngày sau khi khóa học bắt đầu.

4. Students will not receive any bursaries or scholarships on IELTS course if making payment after commencement date of each course.

Sinh viên sẽ không được hưởng các ưu đãi và học bổng của khóa học IELTS nếu thực hiện việc đóng học phí sau ngày khóa học bắt đầu.

## **V. Payment methods**

### **Phương thức thanh toán**

Payment of fees may be made by cash/credit card at BUV counter, online payment via BUV website or bank transfer with below information:

Việc thanh toán học phí có thể được thực hiện bằng tiền mặt, thanh toán bằng thẻ tín dụng tại quầy kế toán của BUV, thanh toán online qua trang web của BUV hoặc chuyển khoản theo thông tin tài khoản như sau:

<b>Bank Ngân hàng</b>	<b>Account Name Tên tài khoản</b>	<b>Account Number Số tài khoản</b>	<b>Bank name and branch Tên ngân hàng và chi nhánh</b>	<b>Swift Code Mã ngân hàng</b>
<b>Bank 1</b> Ngân hàng 1	BRITISH UNIVERSITY VIETNAM	88136924588	Standard Chartered Bank Vietnam Ltd - Le Dai Hanh branch  Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered - Chi nhánh Lê Đại Hành	SCBLVNVX
<b>Bank 2</b> Ngân hàng 2	CONG TY TNHH TRUONG DAI HOC ANH QUOC VIET NAM	0591000392486	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) - Hung Yen branch  Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Hưng Yên	BFTVVNVX059

## **VI. Issuance of tax invoice Phát hành hóa đơn tài chính**

Students have to notify the BUV Finance and Accounting Department if they require the tax invoice to be made to a specific company and tax code at least 1 week before commencement date of the course. Otherwise, the tax e-invoice will be issued in the student's default name and address. The invoice will be issued within 30 days upon payment date.

Sinh viên phải thông báo tới Phòng Tài chính và Kế toán BUV nếu có nhu cầu phát hành hóa đơn tài chính với thông tin cụ thể của công ty và mã số thuế ít nhất 1 tuần trước khi khóa học bắt đầu. Nếu không, hóa đơn tài chính sẽ được phát hành với thông tin và địa chỉ mặc định của Sinh viên. Hóa đơn tài chính sẽ được phát trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp học phí.

## **VII. Discount program** **Chiết khấu thanh toán**

1. Applicants who pay upfront a lump sum for a semester or 1-year fee will be given a discount of 2% and 4%, respectively. Upfront lump sum fees payment for the full programme will be applied in accordance with Fixed Fee Policies.

Nếu sinh viên đóng học phí và các khoản phí trước cho cả học kỳ hoặc 1 năm học sẽ được hưởng mức chiết khấu tương ứng 2% hoặc 4%. Nếu đóng trước cho cả chương trình học, mức chiết khấu sẽ áp dụng theo Chính sách Học phí Cố định.

2. IELTS fee can be paid in lump sum for all the courses or for each separate course. Applicants who pay upfront a lump sum for two or three consecutive IELTS courses will be given a discount of 3% and 5%, respectively.

Học phí có thể được trả một lần cho tất cả các khóa học IELTS hoặc khóa học riêng biệt. Sinh viên trả trước một lần cho hai hoặc ba khóa học IELTS liên tiếp sẽ được chiết khấu tương ứng là 3% hoặc 5%.

3. All aforementioned discounts will not be applied simultaneously with any other tuition fee bursaries or scholarships of BUV.

Các chương trình chiết khấu trên không được áp dụng đồng thời với các học bổng hoặc ưu đãi học phí khác của BUV.

## **VIII. Refund policies** **Chính sách hoàn phí**

1. The Registration Fee, Application Fee, Education Resource Fee, Student Affairs Fee, Additional Practical Equipment Fee and Bursary/Scholarship/Priority Admission Securing Payment are not refundable or transferable under any circumstances.

Phí Đăng kí, Phí Ghi danh, Phí Học liệu, Phí Dụng cụ thực hành hàng năm và Phí Công tác sinh viên, Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển đều không thể hoàn lại hoặc bảo lưu trong mọi trường hợp.

2. All refunds whether of fees or any other payments of any sort, shall be free of interest and shall be subject to the right of offsetting by BUV against any outstanding fees or any other payments of any sort that are due and owing to BUV.

Mọi khoản tiền hoàn trả dù là tiền học phí hoặc bất kỳ khoản tiền thanh toán nào khác sẽ không phải chịu lãi suất và theo quyền được bù trừ với bất kỳ khoản phí hoặc khoản thanh toán nào khác mà chưa được thanh toán cho BUV.

3. Refunds will be made in the name of the parent/guardian/sponsor/student where applicable as declared in the application form.

Khoản tiền hoàn trả sẽ được gửi đến bố mẹ/người giám hộ/cha mẹ đỡ đầu/sinh viên theo như nêu trong đơn xin học.

4. Fees paid are not transferable/refundable except as provided in the below circumstances and PROVIDED that a request in writing for such refund is received/approved by the Chief Academic Officer and Head of Finance & Accounting Department:

Học phí và các phí khác đã nộp không được bảo lưu hoặc hoàn lại ngoại trừ các trường hợp sau và yêu cầu hoàn trả tiền học phí bằng văn bản được gửi đến và phê duyệt bởi Giám đốc học vụ và Giám đốc tài chính:

- 4.1 Refund due to withdrawal/deferral of students for their own reasons or student under “No Show” status will be as below:

Hoàn trả đối với sinh viên rút khỏi/tạm dừng khóa học vì lý do riêng hoặc sinh viên vắng mặt sẽ được áp dụng như sau:

- a) If a student withdraws/defers from the programme before 10 days of the commencement date of the semester/term (based on date when BUV acknowledge to receive official Request paper or email of student/parent sending to BUV), the full amount of Tuition Fee paid after deducting Bursary/ Scholarship/Priority Admission Securing Payment may be transferable/refundable. An administration fee of VND2,000,000 will be charged.

Nếu một sinh viên xin rút khỏi/tạm dừng chương trình học trên 10 ngày (dựa trên ngày BUV xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị hoặc email chính thức của Sinh viên/Phụ huynh gửi tới BUV) trước ngày bắt đầu học kỳ, toàn bộ Học Phí đã nộp sau khi trừ Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển sẽ được hoàn lại hoặc bảo lưu sang kỳ học tiếp theo. BUV sẽ thu khoản lệ phí hành chính là 2.000.000 VNĐ.

- b) If a student withdraws/defers from the programme within 10 days before the commencement date of the semester/term (based on date when BUV acknowledge to receive official Request paper or email of student/parent sending to BUV), an amount not exceeding 90% of Tuition Fee paid after deducting Bursary/Scholarship/Priority Admission Securing Payment may be transferable/refundable. An administration fee of VND2,000,000 will be charged.

Nếu một sinh viên xin rút khỏi/tạm dừng chương trình học trong vòng 10 ngày trước ngày bắt đầu học kỳ (dựa trên ngày BUV xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị hoặc email chính thức của Sinh viên/Phụ huynh gửi tới BUV), số tiền hoàn trả/bảo lưu không quá 90% tổng số tiền học phí đã nộp sau khi trừ Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển. BUV sẽ thu khoản lệ phí hành chính là 2.000.000 VNĐ.

- c) If a student withdraws/defers from the programme within 7 days after the commencement date of the semester/term (based on date when BUV acknowledge to receive official Request paper or email of student/parent sending to BUV), an amount not exceeding 80% of Tuition Fee paid after deducting Bursary/ Scholarship/Priority Admission Securing Payment may be transferable/refundable. An administration fee of VND2,000,000 will be charged.

Nếu một sinh viên xin rút khỏi/tạm dừng chương trình học trong vòng 7 ngày kể từ ngày bắt đầu học kỳ (dựa trên ngày BUV xác nhận đã nhận được Đơn đề nghị hoặc email chính thức của Sinh viên/Phụ huynh gửi tới BUV), số tiền hoàn trả/bảo lưu không quá

80% tổng số tiền học phí đã nộp sau khi trừ Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển. BUV sẽ thu khoản lệ phí hành chính là 2.000.000 VNĐ.

- d) If a student either withdraws/defers from the programme after 7 days from the commencement date of the semester/term OR is under “No Show” status after 7 days from the commencement date of the semester/term without notification/approval to/of the Chief Academic Officer (except as provided in sub-paragraphs (e) and (f) below), all fees paid shall not be refundable/transferable.

Nếu một sinh viên xin rút khỏi/tạm dừng chương trình học 7 ngày sau khi kỳ học bắt đầu HOẶC không tham gia chương trình học 7 ngày sau khi kỳ học bắt đầu và không có thông báo/phê duyệt chính thức tới/từ Giám đốc học vụ (ngoại trừ các trường hợp nêu tại điều (d) và (e) dưới đây), toàn bộ số tiền học phí đã nộp sẽ không được hoàn lại/bảo lưu.

- e) If a student is conditionally accepted onto the programme based on forecasted results but due to non-fulfilment of entry requirements upon official announcement of examination results, is required to discontinue the programme, the student will be eligible for a pro-rated refund of all fees paid after deducting Bursary/Scholarship/Priority Admission Securing Payment, Application Fee (the pro-rated refund will be calculated based on the number of weeks elapsing from the date of commencement of the semester/term to the date of official notification to Chief Academic Officer and proportionate to the total number of weeks of the relevant semester/term).

Nếu một sinh viên được nhận vào học có điều kiện dựa trên các kết quả dự báo nhưng do không đáp ứng được các yêu cầu đầu vào dựa theo kết quả thi chính thức, sinh viên đó không được tiếp tục học và sinh viên sẽ được hoàn trả các phí đã nộp sau khi trừ Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển, Phí Đăng ký theo tỷ lệ (Tiền học phí hoàn trả theo tỷ lệ sẽ được tính toán dựa trên số tuần tính từ ngày bắt đầu học kỳ đến ngày thông báo chính thức được gửi đến Giám đốc Học vụ và tương ứng với tổng số tuần của học kỳ đó).

- f) If a student is refused a Vietnamese student visa (international students only), the student will be eligible for a full refund of fees paid after deducting Bursary/ Scholarship/Priority Admission Securing Payment and Application Fee.

Nếu một sinh viên bị từ chối cấp visa Việt Nam cho sinh viên (chỉ đối với sinh viên quốc tế), sinh viên đó được hoàn trả toàn bộ các phí đã nộp sau khi trừ Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển, Phí Đăng ký.

5. In the event that the student is expelled or is suspended or discontinues the programme due to misconduct or any disciplinary matter or the non-attainment of academic requirement, there shall be no refund of fees paid.

Trong trường hợp sinh viên bị thôi học hoặc bị đình chỉ hoặc gián đoạn do hành vi sai trái hoặc bất kỳ vấn đề về kỷ luật nào hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu, học phí và các khoản phí đã đóng sẽ không được hoàn trả.

6. If a student is subject to withdrawal/deferral upon non-fulfilment of academic progress upon official announcement of examination results of the previous semester in BUV: all fees paid relating to next semester shall be refundable/transferable.

Nếu một sinh viên thuộc diện phải rút khỏi/tạm dừng chương trình học do kết quả học tập tại BUV của kỳ trước không đạt yêu cầu dựa trên kết quả thi chính thức: học phí và các khoản phí đã đóng liên quan đến kỳ học tiếp theo sẽ được hoàn lại/bảo lưu.

7. If a student is subject to withdrawal/deferral due to BUV has an insufficient number of students to open appropriate class: all fees paid except for Application Fee, shall be refundable/transferable.

Nếu một sinh viên thuộc diện phải rút khỏi/tạm dừng chương trình học do BUV không đủ số lượng sinh viên để mở lớp phù hợp: học phí và các khoản phí đã đóng ngoại trừ Phí Đăng ký, sẽ được hoàn lại/bảo lưu.



8. In the event that an offer of a place is withdrawn by BUV in connection with incorrect information being provided by the applicant/student, all fees paid after deducting Bursary/Scholarship/Priority Admission Securing Payment, Application Fee, shall be refundable/transferable.

Trong trường hợp BUV rút lại thư mời nhập học do lỗi của người nộp đơn/sinh viên cung cấp sai thông tin, học phí và các khoản phí đã nộp sau khi trừ Phí giữ quyền hưởng ưu đãi học phí/học bổng/ưu tiên xét tuyển, Phí Đăng ký sẽ được hoàn lại/bảo lưu.

9. In the event of refund due to overpayment: The excess amount (if any) will (i) be carried forward to the following semester or (ii) Refund upon request.

Trong trường hợp hoàn trả do nộp thừa: phần phí nộp thừa (nếu có) sẽ được (i) bảo lưu cho kỳ học tiếp hoặc (ii) hoàn lại dựa trên Đề nghị hoàn lại.

10. Refund for other than the above scenarios: the amount of refund will be based on the recommendation/approval of Chief Academic Officer and Finance Manager.

Các trường hợp hoàn trả khác ngoài các trường hợp trên: giá trị hoàn lại sẽ dựa trên đánh giá và phê duyệt của Giám đốc học vụ và Trưởng phòng tài chính.

## **IX. Inter-programme transfer** **Chuyển chương trình đào tạo**

For inter-programme transfer cases (within BUV), an administrative charge of VND2,000,000 will be imposed except when the transfer is carried out before the semester/term commences for the first registered programme. The amount of fees transferable to the new programme is subject to the following:

Trong trường hợp chuyển chương trình đào tạo (trong phạm vi BUV), BUV sẽ thu khoản phí hành chính là 2.000.000 VNĐ trừ trường hợp chuyển chương trình trước khi bắt đầu học kỳ mới của chương trình đăng ký ban đầu. Học phí và các khoản phí chuyển sang chương trình mới được áp dụng như sau:

- a. If inter-programme transfer is carried out within the 3 weeks before the commencement date of the semester/term, all fees paid are transferable to the

new programme. In the event of any surplus, such surplus amount shall not be refundable but may be used to offset fees for the subsequent term.

Nếu việc chuyển chương trình được thực hiện trong vòng 3 tuần trước ngày bắt đầu của học kỳ, học phí và tất cả các khoản phí sẽ được chuyển sang chương trình mới. Trong trường hợp số tiền bị dư ra, số tiền dư ra sẽ không được hoàn trả mà có thể được sử dụng để bù vào học phí và/hoặc các khoản phí của học kỳ tiếp theo.

- b. If inter-programme transfer is carried within after 3 weeks after the commencement date of the studying semester/term but before the mid-semester/term, only 50% of the Tuition Fee and the Education Resource Fee and Student Affairs Fee will be transferable to the new programme.

Nếu việc chuyển chương trình được thực hiện 3 tuần sau ngày bắt đầu của kỳ học của chương trình đang học, nhưng trước thời gian giữa học kỳ, chỉ 50% tiền Học phí, Phí học liệu và Phí công tác sinh viên sẽ được chuyển sang chương trình mới.

- c. If inter-programme transfer is carried out after the mid-semester/term, none of the fees paid are transferable to the new programme.

Nếu việc chuyển giao chương trình được thực hiện sau thời gian giữa học kỳ, không khoản tiền nào được chuyển sang chương trình mới.

## **X. Late payment**

### **Phí chậm nộp**

1. Fees payable for all instalments/semesters/terms are payable in advance and must be fully paid before or by Payment Deadline stating in Fee Information Letter. Any payments not made by the Payment Deadline will incur a late payment penalty of VND2,100,000 on the first late instalment payment of the semesters/terms and will accrue a further penalty of VND1,050,000 per week or part thereof until the full amount owing has been paid. If payment is not received by the end of the second week of the semester/term, BUV reserves the right to review the status of the student and take necessary action as BUV deems fit which may include but is not limited to barring the student from classes and the facilities, suspension or termination of the student's study.

BUV further reserves the right to withhold all examination results, certificates

and records of the student until full settlement of all outstanding fees.

Học phí và các khoản phí của các học kỳ cần phải được thanh toán trước và phải được thanh toán đầy đủ vào/trước ngày Hạn thanh toán quy định trong Thư Thông tin Học phí. Bất kỳ khoản học phí nào không thanh toán đúng hạn sẽ bị phạt thanh toán chậm là 2.100.000 VNĐ đối với khoản nộp chậm đầu tiên trong học kỳ và đồng thời sẽ bị phạt thêm 1.050.000 VNĐ/tuần cho đến khi toàn bộ khoản tiền phải trả được thanh toán hết. Nếu khoản tiền phải trả không được thanh toán vào cuối tuần thứ 2 của học kỳ, BUV có quyền xem xét lại tình trạng của sinh viên và có hành động cần thiết mà BUV thấy là thích hợp bao gồm nhưng không giới hạn việc không cho sinh viên tham gia các môn học và sử dụng các tiện nghi học tập của trường, đình chỉ học hoặc buộc thôi học sinh viên đó.

BUV có quyền giữ tất cả các kết quả thi, các chứng chỉ, hồ sơ của sinh viên cho đến khi các khoản học phí và phí còn nợ được thanh toán hết.

**XI. Other fees apply to all students:**

**Các khoản phí khác áp dụng cho tất cả sinh viên:**

- a. Medical Insurance Fee: comply with prevailing regulation on compulsory medical insurance scheme for Vietnamese university students (including International Foundation Programme).

Phí Bảo hiểm y tế: tuân theo quy định hiện hành của bảo hiểm y tế bắt buộc áp dụng cho sinh viên đại học Việt Nam (bao gồm cả Chương trình dự bị Đại học London).

- b. Issuance of temporary transcript and duplication of official transcript administrative fee: VND220,000 per transcript.

Phí cấp bảng điểm tạm thời hoặc phí sao y bản chính bảng điểm chính thức: VND 220.000/bản.

- c. Re-issuance of Student ID card fee: VND150,000 per card.

Phí cấp lại thẻ sinh viên: VND 150.000/thẻ

- d. Late library book return fee: VND5,000 per day per book.

Phí trả muộn sách và tài liệu của thư viện: VND 5.000/ngày/tài liệu

- e. Graduation Fees: VND 850,000/student (including 1 student and 2 family members) and VND 770,000 per extra ticket for those who want to attend the graduation.

Phí dự lễ tốt nghiệp: 850.000 VND/sinh viên (bao gồm 1 sinh viên và 2 thành viên gia đình) và 770.000 VND/một vé bổ sung cho người muốn tham dự lễ tốt nghiệp.

- f. Notarization of BUV's documents Fees: VND 220,000/page.

Phí công chứng chứng từ của BUV: 220.000 VND/trang.